TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Lạc, ngày 26 tháng 11 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa:

+ Nguyên đơn: Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ Bị đơn: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1956.
Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Bà **Trịnh Thị V**, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khu x, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:

Ngân hàng C. Địa chỉ trụ sở chính: Số 1xx phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh P** – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Tân Lạc. Địa chỉ trụ sở: Xóm Đ, xã M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. *(Theo văn bản ủy quyền số 47xx/QĐ-NHCS, ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C và văn bản số 2xx^{A}/QĐ-NHCS, ngày 30/11/2016 của Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Tân Lạc)*.

Ngân hàng N (Ag). Địa chỉ trụ sở chính: Số x L H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh T** – Giám đốc Phòng Giao dịch M – Chi nhánh Ngân hàng N huyện Tân Lạc. *(Theo văn bản ủy quyền số 5xx/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ag và văn bản số 2xx/NHN$_o$TL-UQ, ngày 15/8/2018 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện Tân Lạc)*.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị B và ông Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Bùi Văn T thuận tình ly hôn nhau.

2.2. Về con chung: Bà Lê Thị B và ông Bùi Văn T có 04 con chung là Bùi Đức T1, sinh ngày 01/7/1991, Bùi Đức T2, sinh ngày 01/8/1993, Bùi Thị D, sinh ngày 04/8/2000 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 01/10/2009. Hiện tại các con chung là Bùi Đức T1, Bùi Đức T2 và Bùi Thị D đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên bà Lê Thị B, ông Bùi Văn T đều không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dương nuôi con chung. Đối với con chung là Bùi Thị Thu H, sau khi ly hôn, bà Lê Thị B nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Bùi Văn T nhận nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với bà Lê Thị B với mức 500.000 *(Năm trăm nghìn)* đồng một tháng. Việc đóng góp cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con chung là Bùi Thị Thu H đủ 18 tuổi.

Ông Bùi Văn T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị B và ông Bùi Văn T tự thỏa thuận.

2.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị B và ông Bùi Văn T nhận còn nợ Ngân hàng N (Ag) – Chi nhánh huyện Tân Lạc – Phòng Giao dịch M khoản tiền 200.000.000 *(Hai trăm triệu)* đồng theo hợp đồng tín dụng số 3000LAV201802xxx ngày 18/6/2018, hạn trả vào ngày 18/6/2020. Nợ Ngân hàng C – Chi nhánh Hòa Bình – Phòng Giao dịch huyện Tân Lạc khoản tiền 42.000.000 *(Bốn mươi hai triệu)* đồng,

trong đó nợ 30.000.000 đồng vay theo chương trình hỗ trợ sản xuất, thời hạn trả ngày 11/6/2021, nợ 12.000.000 đồng vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, thời hạn trả ngày 11/6/2023. Nợ chị Dương Thị T khoản tiền 32.000.000 *(Ba mươi hai triệu)* đồng. Nợ bà Trịnh Thị V khoản tiền 15.020.000 *(Mười lăm triệu, không trăm hai mươi nghìn)* đồng. Nợ ông Trần Ngọc T khoản tiền 8.120.000 *(Tám triệu, một trăm hai mươi nghìn)* đồng. Nợ bà Lương Thị T khoản tiền 37.280.000 *(Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn)* đồng.

Khi ly hôn, bà Lê Thị B và ông Bùi Văn T cam kết trả ngay các khoản nợ cho bà Lương Thị T, ông Trần Ngọc T, chị Dương Thị T và bà Trịnh Thị V bằng tài sản chung của vợ chồng *(thực tế đã trả xong ngày 16/11/2018).* Ông Bùi Văn T nhận nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N (Ag) – Chi nhánh huyện Tân Lạc – Phòng Giao dịch M khoản tiền 200.000.000 *(Hai trăm triệu)* đồng theo hợp đồng tín dụng số 3000LAV201802xxx khi đến hạn trả vào ngày 18/6/2020; trả cho Ngân hàng C – Chi nhánh Hòa Bình – Phòng Giao dịch huyện Tân Lạc khoản tiền 42.000.000 *(Bốn mươi hai triệu)* đồng khi đến hạn, cụ thể trả 30.000.000 đồng vay theo chương trình hỗ trợ sản xuất khi đến hạn ngày 11/6/2021, trả 12.000.000 đồng vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường khi đến hạn ngày 11/6/2023.

2.4. Về án phí: Bà Lê Thị B nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004743 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; bà Lê Thị B đã nộp xong các khoản án phí.

Bà Lương Thị T nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 932.000 đồng, được trừ vào 932.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004754 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; bà Lương Thị T đã nộp xong án phí.

Bà Trịnh Thị V nhận chịu 357.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 357.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004757 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; bà Trịnh Thị V đã nộp xong án phí.

Chị Dương Thị Tuyết nhận chịu 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004756, ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị Dương Thị T đã nộp xong án phí.

Ông Trần Ngọc T nhận chịu 203.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004759, ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; ông Trần Ngọc T còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 97.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã T – Tân Lạc – Hòa Bình;
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 16/5/1997);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn